TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **TP HÀ NỘI** --------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2022
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, TP HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh

Ông Nguyễn Sơn Hóa

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Cán bộ Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 221/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Lê Thị H** - SN 1990 (Có mặt)

ĐKHKTT: xóm 3, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam

Tạm trú tại: G7-7, tập thể 708, xã L, huyện T, TP Hà Nội

- *Bị đơn*: **Anh Phạm Anh D** - SN 1969 (Có mặt)

ĐKHKTT: số 14 ngõ Đ II, phố K, phường T, quận Đ, TP Hà Nội

Nơi cư trú: Phòng 4310, Tòa nhà CT12C, Khu đô thị mới K, phường Đ, quận H, TP Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/4/2022 và các văn bản khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh Phạm Anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05/10/2017 tại UBND phường T, quận Đ, TP Hà Nội. Trước đây anh D đã có một đời vợ, không có con chung, nhưng đã ly hôn nên chị mới kết hôn với anh D theo đúng quy định

của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống chung tại Phòng 4310, Tòa nhà CT12C, Khu đô thị mới K, phường Đ, quận H, TP Hà Nội. Thời gian đầu vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên do cách xa về tuổi tác nên dẫn đến bất đồng quan điểm trong quá trình chung sống, vợ chồng không thật sự hiểu nhau nên không có hạnh phúc. Việc không có con chung cũng làm cho gắn kết vợ chồng rất khó khăn, cuộc sống mệt mỏi, vợ chồng cãi vã nhiều hơn. Do mâu thuẫn không thể khắc phục được nên từ đầu năm 2022 chị đã dọn ra ngoài ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Hiện nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh D, không đồng ý quay về đoàn tụ.

Về con chung: vợ chồng chị không có con chung

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung và chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại văn bản ngày 27/4/2022, bị đơn là anh Phạm Anh D trình bày:

Anh và chị Lê Thị H kết hôn tự nguyện và có đăng ký ngày 05/10/2017 tại UBND phường T, quận Đ, TP Hà Nội. Sau khi lấy nhau, vợ chồng anh sống tại Phòng 4310, Tòa nhà CT12C, Khu đô thị mới K, phường Đ, quận H, TP Hà Nội. Từ khi kết hôn, vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, không cãi vã nhiều, kinh tế cũng không khó khăn. Vợ chồng anh chưa có con chung, nhưng anh chị đã cố gắng can thiệp y học, chị H đã có thai hai lần nhưng đều hỏng. Kể từ khi chị H đi tập yoga thì chị H thay đổi thái độ, không muốn có con chung nữa. Cứ mỗi lần chị H đi tập yoga thì chị H lại thay đổi và đòi xin ly hôn anh. Nay chị H xin ly hôn, anh thấy cần có thời gian để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn. Hiện nay anh chưa có phương án để hòa giải vợ chồng nên nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: anh D xác nhận vợ chồng anh không có con chung

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: vợ chồng anh không tranh chấp, anh không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên toà hôm nay:

Chị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên. Chị không đồng ý đoàn tụ vì tình cảm vợ chồng không còn, không có con chung

Anh D không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Thời gian đầu khi lấy nhau vợ chồng anh sống hạnh phúc, từ năm 2019 khi chị H ra ngoài xã hội thì có thay đổi tính nết, tình trạng này đến nay không khắc phục được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Phạm Anh D. Về con chung: không có nên không xét. Vợ chồng anh chị không tranh chấp gì về tài sản chung nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Chị Lê Thị H và anh Phạm Anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05/10/2017 tại UBND phường T, quận Đ, TP Hà Nội. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp tiến bộ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cách biệt khá xa về tuổi tác nên bất đồng quan điểm, không thật sự hiểu nhau. Anh chị không có con chung nên cũng không có sự gắn kết vợ chồng. Về phía chị H kể từ khi nộp đơn khởi kiện thì luôn đề nghị xin được ly hôn, không đồng ý đoàn tụ vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Về phía anh D thì không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho anh thời gian để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không đưa ra được phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trên thực tế chị H đã chuyển ra ngoài sống từ khoảng đầu năm 2022, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn vì chị không còn tình cảm với anh D, chị không đồng ý đoàn tụ. Như vậy, xét thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Hoa là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Phạm Anh D.

[2] Về con chung: chị H và anh D không có con chung

[3] Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị H và anh D không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có tranh chấp thì giành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: chị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng*:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 51, 53, 54, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Điều 26 - Luật Thi hành án

- Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Phạm Anh D

2. Về con chung: không có

3. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị H và anh D không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai số AA/2020/0050026 ngày 18/4/2022 tại Cơ quan Thi hành án dân sự quận H, TP Hà Nội. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H, anh Phạm Anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 -

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội
- VKSND TP Hà Nội
- VKSND quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
- Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
- UBND phường T, quận Đ, Hà Nội (số 77/2017)
- Các đương sự
- Lưu HSVA, VP

Đỗ Thị Mai Thu